

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2022/HC-PT

Ngày: 16 - 8 - 2022

V/v: “*Kiến quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Nguyễn Văn Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 107/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 6 năm 2022, về việc “*Kiến quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2058/2022/QĐ-PT ngày 01/8/2022;

- Người khởi kiện: Ông **Đoàn Đức T**;

Địa chỉ: 139/6 Đường N, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hoàng Ngọc T2** - Sinh năm 1948; địa chỉ: TDP 7, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

- Người bị kiện:

Ủy ban nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 01 đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Chủ tịch Ủy ban nhân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 01 đường L, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại Th - Phó Chủ tịch UBND thành phố B; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân thành phố B: Ông Phạm Văn Th1 - Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố B; địa chỉ: 327 đường H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L2; địa chỉ: 139/6 Đường N, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân B1 - Sinh năm 1967; địa chỉ: TDP 5, phường TN, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Người khởi kiện ông Đoàn Đức T và người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:**

Do gia đình ông Đoàn Đức T có yêu cầu về chỗ ở, nhà ở để sinh sống, nên ngày 10/8/1995 ông Đoàn Đức T có nhận chuyển nhượng của bà Bùi Thị T3 diện tích đất là: 280,2m² tại thửa đất số 47a tờ bản đồ số 60, vị trí đất tọa lạc tại TDP 9, P. T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Thửa đất này có nguồn gốc là của ông Tăng Kẹo K khai hoang từ năm 1954 diện tích 1.478m², sau đó chuyển nhượng cho hộ bà Bùi Thị T3 280,2m². Đến khoảng tháng 02 năm 2004 ông T đã xây dựng nhà ở kiên cố trên đất và sinh sống từ đó đến nay không có tranh chấp với ai.

Ngày 29/9/2017 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số: 2729/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo phương án nghiên cứu khả thi dự án Hồ thủy lợi E, P.T1, TP.B, Đắk Lắk.

Ngày 12/8/2019 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định số: 2252/QĐ-UBND về việc ủy quyền cho Ủy ban Nhân dân thành phố B về việc ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt thu hồi đất cho dự án Hồ thủy lợi E, P.T1, TP.B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 25/12/2019 UBND thành phố ban hành Quyết định số 9679/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Hồ Thủy lợi E, phường T1 (đợt 16) (nay viết tắt là Quyết định số 9679), việc

UBND thành phố B xác định loại đất mà gia đình ông T đang sử dụng bị Nhà nước thu hồi là đất trồng cây lâu năm là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, ông T có đơn khiếu nại Quyết định số 9679 gửi đến Chủ tịch UBND thành phố B và yêu cầu xác định lại loại đất thu hồi của gia đình Ông là đất thổ cư, không phải là đất trồng cây lâu năm.

Ngày 10/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8430/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đức T, địa chỉ 139/6 Đường N, phường T1, thành phố B (nay viết tắt là Quyết định số 8430). Theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Đức T về việc yêu cầu xác định lại loại đất thu hồi, bồi thường của gia đình Ông là đất ở, không phải là đất trồng cây lâu năm, (đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 60, lô đất tọa lạc tại phường T1, thành phố B) đã được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 9679.

Vì theo khoản 3 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở, công trình xây dựng khác trong thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004; nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là không có tranh chấp sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch hoặc không phù hợp với quy hoạch nhưng đất đã sử dụng từ trước thời điểm phê duyệt quy hoạch hoặc sử dụng đất tại nơi chưa có quy hoạch; chưa có thông báo hoặc quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp phải thu hồi thì được công nhận quyền sử dụng đất như sau:

a) Đối với thửa đất có nhà ở mà diện tích thửa đất nhỏ hơn hoặc bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Khoản 2 Điều 143 và Khoản 4 Điều 144 của Luật Đất đai (sau đây gọi là hạn mức giao đất ở) thì toàn bộ diện tích thửa đất được công nhận là đất ở”.

Theo khoản 1 Điều 7 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất đã sử dụng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai.

“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất và tại thời điểm bắt đầu sử dụng đất không có một trong các hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 22 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, nếu được cấp Giấy chứng nhận thì thu tiền sử dụng đất như sau:

a) Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở thì phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% tiền sử dụng đất đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất ở theo giá đất quy định tại Bảng giá đất; đối với diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) thì phải nộp bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất quy định Điểm b, Điểm c Khoản 3 Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".

Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về Bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

“Khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 và Điều 102 của Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23, 25, 27 và 28 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được bồi thường về đất ở”

Theo khoản 2 Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường về đất cho người đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất *“Trường hợp người có đất thu hồi được bồi thường bằng tiền thì số tiền bồi thường phải trừ khoản tiền nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp luật về thu tiền sử dụng đất; thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.”*

Từ những quy định của pháp luật nêu trên và căn cứ vào nguồn gốc đất, mục đích sử dụng đất và thời gian sử dụng đất thì hộ gia đình ông Đoàn Đức T đủ điều kiện được cấp đất ở, nhà ở và phải nộp tiền sử dụng đất bằng 50% trong hạn mức giao đất ở, theo giá đất quy định tại Bảng giá đất đối với đất đã sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai. Nên hộ gia đình ông T được bồi thường về đất ở khi Nhà nước thu hồi đất.

Đề nghị Tòa án tuyên: Hủy Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đức T, địa chỉ: 139/6 Đường N, thành phố B (lần đầu); Hủy một phần Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường T1, thành phố B (đợt 16).

*** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện - UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày:**

Về nguồn gốc sử dụng đất: Năm 1954 ông Tăng Kẹo K khai hoang lô đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, đến năm 1990 ông Tăng Kẹo K chuyển nhượng lô đất cho hộ bà Bùi Thị T3. Năm 1995 bà Bùi Thị T3 chuyển nhượng một phần lô đất cho ông Đoàn Đức T có xác nhận của UBND phường T1. Ông T xây dựng nhà ở sau 01/7/2004. Diện tích đo đạc thực tế tại thửa đất 105, tờ bản đồ 60, diện tích là 280,2 m². Diện tích đất thu hồi: 213,4 m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm chưa được cấp GCN quyền sử dụng đất.

Trường hợp ông Đoàn Đức T đang sử dụng thửa đất 105, tờ bản đồ 60, phường T1 không có các giấy tờ về đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 11 Luật đất đai 2013. Do đó việc xác định loại đất căn cứ theo Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và được sửa đổi bổ sung tại điểm b, khoản 1, Điều 2, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định như sau:

“1. Trường hợp đang sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 của Luật đất đai thì loại đất được xác định như sau:

...

b) Trường hợp đang sử dụng, đất do lấn, chiếm, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất. ”

Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 lưu trữ tại UBND phường T1 thì thửa đất của ông Đoàn Đức T được xác định là đất trồng cà phê. Ông T xây dựng nhà ở sau ngày 01/7/2004 là tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Do đó, khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ Thủy Lợi E, phường T1 đối với 213,4 m² đất của ông Đoàn Đức T thuộc một phần thửa đất 105, tờ bản đồ 60, phường T1 bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là đúng quy định pháp luật.

Sau khi UBND thành phố ban hành Quyết định số 9679 thì ông Đoàn Đức T cho rằng thửa đất số 105, tờ bản đồ số 60, tọa lạc tại phường T1, thành phố B do gia đình ông đang sử dụng vào mục đích đất ở (hiện trạng trên đất có nhà ...). Do đó, việc UBND thành phố B xác định loại đất thu hồi là đất trồng cây lâu năm là đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, ông Đoàn Đức T có đơn khiếu nại Quyết định số 9679 gửi đến Chủ tịch UBND thành phố B và yêu cầu xác định lại loại đất thu hồi của gia đình ông là đất thổ cư, không phải là đất trồng cây lâu năm.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Đoàn Đức T, UBND thành phố đã giao cho phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu giải quyết đơn khiếu nại của ông Đoàn Đức T. Sau khi phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc thu thập giấy tờ có liên quan, xác minh đơn khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Kết quả xác minh như sau:

Theo bản đồ giải thửa tại UBND phường T1 được nghiệm thu năm 2001 thì thửa đất số 105, tờ bản đồ số 60 do hộ ông Đoàn Đức T đang sử dụng hiện nay có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm.

Theo sổ mục kê đất đai được UBND phường T1 lập ngày 20/12/2001 thì thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60 có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm.

Trước đây, thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60, diện tích 1478m², có mục đích sử dụng: Đất trồng cà phê (theo bản đồ giải thửa năm 2001 và sổ mục kê đất đai được UBND phường T1 lập ngày 20/12/2001). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Bùi Thị T3 đã tách thửa đất trên thành 05 thửa gồm thửa đất số 104, 105, 168, 167 và 670 để chuyển nhượng cho các hộ sử dụng. Hiện nay, 05 thửa đất nêu trên đều bị thu hồi đất và bồi thường với mục đích đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 9679.

Như vậy, thửa đất trước đây có nguồn gốc là đất nông nghiệp. Việc hộ ông Đoàn Đức T nhận chuyển nhượng một phần thửa đất nông nghiệp và tự ý xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp là hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Ngày 10/12/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 8430. Theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đoàn Đức T về việc yêu cầu xác định lại loại đất thu hồi, bồi thường của gia đình Ông là đất ở, không phải là đất trồng cây lâu năm, (đối với thửa đất số 105, tờ bản đồ số 60, lô đất tọa lạc tại phường T1, thành phố B) đã được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 9679.

Từ những căn cứ trên, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của hộ ông Đoàn Đức T.

*** Ông Nguyễn Xuân B1 là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L2 trình bày:**

Thông nhất như lời trình bày của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST, ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1]. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4; Điều 32; Điều 157; Điều 158; Điều 164; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điều 11 Luật Đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy chi tiết thi hành Luật đất đai;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[2]. Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đức T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường T1, Thành phố B (đợt 16);

- Hủy Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đức T, địa chỉ: 139/6 Đường N, Thành phố B (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, ông Hoàng Ngọc T2 là đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2022/HC-ST ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, với nội dung, đề nghị sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Đoàn Đức T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đất ông T mua của bà T3 khi mua là đất

nông nghiệp nhưng ông T đã làm nhà ở, khi làm nhà thì không xin phép và việc chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở ông T không xin phép cơ quan có thẩm quyền đề nghị xem xét bồi thường đất ở.

Đại diện ủy quyền UBND thành phố B và Chủ tịch UBND thành phố B trình bày: Diện tích đất ông T có nguồn gốc và quy hoạch đều là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, việc thu hồi bồi thường và tái định cư cho ông T là đúng quy định pháp luật, đề nghị không chấp nhận kháng cáo ông T giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện ủy quyền người liên quan trình bày: Đề nghị xem xét cho ông T bồi thường đất ở.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm như sau: Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện ông T là đúng, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Đoàn Đức T, thấy: Năm 1954 ông Tăng Kẹo K khai hoang lô đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, đến năm 1990 ông Tăng Kẹo K chuyển nhượng lô đất cho hộ bà Bùi Thị T3. Năm 1995 bà Bùi Thị T3 chuyển nhượng một phần lô đất cho ông Đoàn Đức T có xác nhận của UBND phường T1. Ông T xây dựng nhà ở sau 01/7/2004. Diện tích đo đạc thực tế tại thửa đất 105, tờ bản đồ 60, diện tích là 280,2 m². Diện tích đất thu hồi: 213,4 m² đất nông nghiệp trồng cây lâu năm chưa được cấp GCN quyền sử dụng đất. Theo sổ mục kê và bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 lưu trữ tại UBND phường T1 thì thửa đất của ông Đoàn Đức T được xác định là đất trồng cà phê. Ông T xây dựng nhà ở sau ngày 01/7/2004 là tự ý chuyển mục đích sử dụng đất thuộc trường hợp phải xin phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Theo bản đồ giải thửa tại UBND phường T1 được nghiệm thu năm 2001 thì thửa đất số 105, tờ bản đồ số 60 do hộ ông Đoàn Đức T đang sử dụng hiện nay có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Theo sổ mục kê đất đai được UBND phường T1 lập ngày 20/12/2001 thì thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60 có mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Trước đây, thửa đất số 47A, tờ bản đồ số 60, diện tích

1478m², có mục đích sử dụng: Đất trồng cà phê (theo bản đồ giải thửa năm 2001 và sổ mục kê đất đai được UBND phường T1 lập ngày 20/12/2001). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà Bùi Thị T3 đã tách thửa đất trên thành 05 thửa gồm, thửa đất số 104, 105, 168, 167 và 670 để chuyển nhượng cho các hộ sử dụng. Hiện nay, 05 thửa đất nêu trên đều bị thu hồi đất và bồi thường với mục đích đất trồng cây lâu năm theo Quyết định số 9679. Như vậy, thửa đất trước đây có nguồn gốc là đất nông nghiệp hộ ông Đoàn Đức T nhận chuyển nhượng một phần thửa đất nông nghiệp và tự ý xây dựng nhà ở trên đất nông nghiệp là hành vi tự ý chuyển mục đích sử dụng đất trái phép theo quy định của pháp luật về đất đai mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Do đó, khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Hồ Thủy Lợi E, phường T1 đối với 213,4 m² đất của ông Đoàn Đức T thuộc một phần thửa đất 105, tờ bản đồ 60, phường T1 bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

[2] Từ những nhận định trên thấy rằng ông Đoàn Đức T cho rằng loại đất thu hồi của gia đình ông T là đất ở, không phải là đất trồng cây lâu năm là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Đoàn Đức T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Đức T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đoàn Đức T kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 11 Luật đất đai năm 2013; Luật khiếu nại năm 2011; điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đoàn Đức T và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đức T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 9679/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường T1, Thành phố B (đợt 16);

- Hủy Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Đức T, địa chỉ: 139/6 Đường N, thành phố B (lần đầu).

2. Án phí hành chính:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Đoàn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp do ông Hoàng Ngọc T2 nộp thay theo Biên lai thu số 0009973 ngày 14/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đoàn Đức T phải chịu số tiền 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0019049 ngày 20/5/2022 của Cục Thi hành án tỉnh Đắk Lắk.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT III);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn